TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Việt Nga và ông Bành Trọng Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng **-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Bị đơn: **Anh Vũ Thanh B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn A, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Thanh B chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/12/2016. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh B vay nợ nhưng không nói với chị. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không có tiếng nói chung nên chị đã bỏ đi làm ở Đồng Nai từ tháng 01 năm 2022, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Đến tháng 01 năm 2023, chị cho anh B cơ

hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị đã về nhà và vợ chồng sống cùng với nhau. Nhưng khi về chung sống anh B vẫn không thay đổi, vẫn nói dối vợ về nợ, vợ chồng vẫn mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà ngoại ở và sống ly thân với anh B từ đầu tháng 6 năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc và làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B một cách nhanh nhất để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh B chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị có 01 con riêng là Bùi Thị Yến N, sinh ngày 30/01/2009. Anh B có 02 con riêng là Vũ Quốc B, sinh ngày 16/10/2009 và Vũ Quốc K, sinh ngày 04/7/2012. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Vũ Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị T chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/12/2016. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chưa đủ tin tưởng vào tình cảm của vợ nên anh hay nói dối vợ về vấn đề tài sản và nợ, làm cho vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, anh nhận lỗi sai của mình trong vấn đề này. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không có tiếng nói chung nên vợ anh đã bỏ đi làm ở Đồng Nai từ tháng 01 năm 2022, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Đến tháng 01 năm 2023, vợ anh cho anh cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên đã về nhà và vợ chồng sống cùng với nhau. Nhưng khi về chung sống vợ chồng vẫn mâu thuẫn, cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ anh đã bỏ về nhà ngoại ở và sống ly thân với anh từ đầu tháng 6 năm 2023 đến nay. Anh thấy trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn với nhau rất nhiều nhưng anh không muốn ly hôn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn yêu thương vợ, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Nếu vợ anh muốn ly hôn thì giải quyết ly hôn đơn phương, anh không muốn bị mang tiếng là bỏ vợ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị T có 01 con riêng là Bùi Thị Yến N, sinh ngày 30/01/2009. Anh có 02 con riêng là Vũ Quốc B, sinh ngày 16/10/2009 và Vũ Quốc K, sinh ngày 04/7/2012. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị T và anh B chưa có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về con riêng: Chị T và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân giữa chị với anh Vũ Thanh B, địa chỉ thôn A, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị T và anh B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/12/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị cũng đã suy nghĩ rất kỹ trong khoảng thời gian dài để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều

51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh B chưa có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về con riêng: Chị T và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị T và anh B có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T đối với anh Vũ Thanh B về việc "Ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Vũ Thanh B.

Về con chung: Chị T và anh B chưa có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về con riêng: Chị T và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003667 ngày 20/6/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk**;**
- VKSND huyện Ea Súp;
- THADS huyện E;
- UBND xã E1, huyện E;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài